

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 8 năm 2026

Thực hiện quy định tại điểm c Mục 3 Phần IV Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành trong tháng 8 năm 2026, cụ thể như sau:

I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND, UBND TỈNH

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

- Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định chính sách hỗ trợ bổ sung đối với học sinh và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền; chính sách hỗ trợ đối với học sinh và trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại xã Ea Rôk.

- Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định về việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định của UBND tỉnh

- Quyết định số 77/2026/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tình Đắc Lắc.

- Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 04/8/2026 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 79/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 ban hành Quy chế phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 80/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 ban hành Quy chế phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Đắc Lắc nhiệm kỳ 2026-2031.

- Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 quy định về phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND ngày 10/8/2026 quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 84/2026/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 85/2026/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 86/2026/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 87/2026/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc.

- Quyết định số 88/2026/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 89/2026/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 ban hành Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 90/2026/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 91/2026/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 quy định các địa điểm, vị trí phải phát triển nhà ở theo dự án trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 92/2026/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 ban hành Quy chế bảo đảm an ninh mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 94/2026/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 95/2026/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 30/8/2026 ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 97/2026/QĐ-UBND ngày 30/8/2026 quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển giai đoạn 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

1.1. Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 17/8/2026.

b) *Nội dung chủ yếu*: quy định cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

- Đối tượng áp dụng: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân không bằng vốn đầu tư công; các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.

- Cơ chế hỗ trợ: Cơ chế hỗ trợ tương đương 50% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, bao gồm: Hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống quản lý chất thải rắn, hệ thống vệ sinh công cộng (không bao gồm: Chi phí đầu tư xây dựng hệ thống kỹ thuật bên trong tòa nhà; chi phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thuộc diện tích đầu tư xây dựng để kinh doanh hoặc phải bàn giao cho nhà nước quản lý), nhưng hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án (Năm tỷ đồng).

- Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1.2. Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành*: từ ngày 17/8/2026.

b) *Nội dung chủ yếu*: quy định về mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (viết tắt là DTTS và MN) giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (viết tắt là Chương trình).

- Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

- Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương:

+ Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

+ Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

+ Không sử dụng vốn ngân sách trung ương để thực hiện các nội dung: Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS và MN; Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới phần đầu đạt nông thôn mới hiện đại; Thực hiện xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác ở cấp tỉnh, cấp xã do HĐND tỉnh quyết định nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

- Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách địa phương: Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình, bao gồm:

+ Hỗ trợ tất cả các xã, phường, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS và MN; ưu tiên hỗ trợ xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS và MN thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

+ Hỗ trợ các xã, đơn vị cấp tỉnh, phường theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thực hiện xây dựng nông thôn mới; ưu tiên hỗ trợ xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

+ Thực hiện xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

+ Hỗ trợ xây dựng công trình phúc lợi cho xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030: Đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới là 02 tỷ đồng/xã, đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại là 03 tỷ đồng/xã.

+ Hỗ trợ thực hiện các nội dung khác nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra của Chương trình.

1.3. Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định chính sách hỗ trợ bổ sung đối với học sinh và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền; chính sách hỗ trợ đối với học sinh và trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại xã Ea Rốc

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 06/8/2026. Các chính sách quy định tại Nghị quyết này được áp dụng kể từ năm học 2026-2027.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định: Chính sách hỗ trợ bổ sung đối với học sinh và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền, ngoài các chế độ, chính sách đã được quy định tại Nghị định số 188/2026/NĐ-CP quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền; Chính sách hỗ trợ đặc thù đối với học sinh và trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại xã Ea Rốc.

- Đối tượng áp dụng: Học sinh trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền, học sinh trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại xã Ea Rốc; Trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền, trường phổ thông nội trú liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở tại xã Ea Rốc; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

- Hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền như sau:

+ Học sinh bán trú được hỗ trợ tiền ăn trưa 110.000 đồng/học sinh/tháng. Thời gian hỗ trợ và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

+ Học sinh nội trú được hỗ trợ tiền ăn 300.000 đồng/học sinh/tháng. Thời gian hỗ trợ và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

- Hỗ trợ tiền đi lại đối với học sinh học bán trú của trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền như sau:

+ Học sinh tiểu học có khoảng cách từ nhà đến trường từ 04 km đến dưới 15 km được hỗ trợ 120.000 đồng/học sinh/tháng; từ 15 km trở lên được hỗ trợ 240.000 đồng/học sinh/tháng. Thời gian hỗ trợ và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

+ Học sinh trung học cơ sở có khoảng cách từ nhà đến trường từ 07 km đến dưới 15 km được hỗ trợ 120.000 đồng/học sinh/tháng; từ 15 km trở lên được hỗ trợ 240.000 đồng/học sinh/tháng. Thời gian hỗ trợ và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

- Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền như sau:

+ Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh nội trú như sau: cứ 45 học sinh thì được hưởng 01 định mức hỗ trợ là 2.000.000 đồng/tháng, số dư từ 20 học sinh trở lên

thì được tính 01 định mức. Thời gian hỗ trợ và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

+ Hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú như sau: cứ 45 học sinh thì được hưởng 01 định mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng/tháng, số dư từ 20 học sinh trở lên thì được tính 01 định mức. Thời gian hỗ trợ và được hưởng không quá 09 tháng/năm học.

- Kinh phí thực hiện: Kinh phí thực hiện do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

1.4. Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 06/8/2026, bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định chức danh, kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố; mức hỗ trợ và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố (sau đây gọi chung là tổ dân phố); việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các nội dung khác có liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Đối tượng áp dụng: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; người kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; UBND các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Số lượng chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm: 10 chức danh.

- Chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, gồm:

- + Phó Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố;
- + Phó trưởng thôn hoặc Tổ phó tổ dân phố;
- + Phó trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố;
- + Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh;
- + Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ;
- + Bí thư Chi đoàn thanh niên;
- + Chi hội trưởng Chi hội Nông dân;
- + Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi;
- + Chi ủy viên;
- + Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

1.5. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 06/8/2026 quy định về việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 17/8/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 25 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15.

- Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trong việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

- Phạm vi khu vực TOD: UBND tỉnh quyết định phạm vi khu vực TOD theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Luật số 95/2025/QH15, bảo đảm phù hợp với vị trí, quy mô của ga, hướng tuyến đường sắt, điều kiện kết nối đồng bộ giữa hạ tầng đường sắt với các loại hình giao thông khác và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, nông thôn.

- Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD:

+ Việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch khu vực TOD được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và pháp luật có liên quan.

+ Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chức năng sử dụng các khu đất và chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng trong khu vực TOD phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Trường hợp cần thiết, UBND tỉnh quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chức năng sử dụng các khu đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch xây dựng trong khu vực TOD khác với quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch đô thị và nông thôn nhưng phải bảo đảm không vượt quá khả năng đáp ứng của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực TOD và vùng phụ cận.

+ UBND tỉnh thực hiện thẩm quyền quyết định nội dung, trình tự, thủ tục thực hiện khác với quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, theo quy định điểm b khoản 1 Điều 25 Luật số 95/2025/QH15, phải bảo đảm công khai, minh bạch, khả thi, hiệu quả; xác định rõ phạm vi, đối tượng áp dụng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Sau khi phê duyệt quy hoạch khu vực TOD, kế hoạch sử dụng đất, các quy hoạch khác có liên quan phải được kịp thời cập nhật và công bố.

2. Quyết định của UBND tỉnh

2.1. Quyết định số 77/2026/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 13/8/2026, bãi bỏ Quyết định số 53/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định nguyên tắc quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Hệ thống); việc cập nhật thông tin, thực hiện chế độ báo cáo; kết nối, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống. Quy chế này không áp dụng đối với báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê, chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và chế độ báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

- *Đối tượng áp dụng:* Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ

thống; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống.

- Hệ thống được truy cập tại địa chỉ: <https://baocao.daklak.gov.vn>.

- Hệ thống đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật kết nối, tích hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu theo quy định tại các điều 17, 18 và 19 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- + Phân công nhiệm vụ, cụ thể hóa trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, sử dụng, khai thác Hệ thống trong quá trình thực hiện các chế độ báo cáo theo Quy chế này.

- + Bố trí bộ phận hoặc cử tối thiểu 01 công chức, viên chức hoặc người lao động làm đầu mối kiêm nhiệm quản trị Hệ thống, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và phạm vi, nhiệm vụ, quyền quản trị được giao; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống.

- + Bảo đảm các điều kiện hạ tầng kết nối mạng, máy tính và các thiết bị liên quan phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống; xây dựng, triển khai các phương án, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị.

2.2. Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND ngày 04/8/2026 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 15/8/2026, bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định mục đích, nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (sau đây viết tắt là ANTT) hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và cá nhân, tổ chức liên quan đến việc thành lập, cấp phép, đăng ký, quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT.

- Hình thức phối hợp:

+ Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc trả lời bằng văn bản theo lĩnh vực chuyên môn khi được yêu cầu.

+ Tổ chức họp hoặc trao đổi trực tiếp, họp trực tuyến khi cần thiết để thống nhất nội dung phối hợp.

+ Thông qua việc thanh tra, kiểm tra của các đoàn công tác liên ngành.

+ Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

- Quy định cụ thể những nội dung và trách nhiệm phối hợp:

+ Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật có liên quan đến ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

+ Phối hợp trong việc trao đổi, cung cấp và công khai thông tin liên quan đến ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

+ Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giám sát và giải quyết khiếu nại tố cáo.

+ Phối hợp quản lý cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

- Các sở, ban, ngành ở tỉnh, UBND cấp xã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp trong công tác quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT hoạt động trên địa bàn tỉnh tại Quy chế này; định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6), hằng năm (trước ngày 15/12) hoặc khi có yêu cầu, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Công an tỉnh có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc khi cần thiết, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành ở tỉnh và UBND cấp xã tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quy chế, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2.3. Quyết định số 79/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 ban hành Quy chế phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 15/8/2026, bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về phân cấp quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào, người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a (sau đây gọi chung là người trực tiếp tham gia kháng chiến) do ngành Nội vụ quản lý từ nguồn ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Quy chế này không áp dụng đối với kinh phí thực hiện các khoản chi do ngân sách tỉnh đảm bảo hoặc ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 44/2022/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý (nay là ngành Nội vụ).

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Nội vụ quản lý.

- Phân cấp cho Sở Nội vụ:

+ Chịu trách nhiệm quản lý kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Thực hiện nhiệm vụ quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

- Phân cấp cho UBND các xã, phường thực hiện nhiệm vụ quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến của các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

2.4. Quyết định số 80/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 ban hành Quy chế phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 16/8/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về việc phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 357/2025/NĐ-CP về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

- Hình thức phối hợp:

+ Hình thức phối hợp chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được thực hiện trực tuyến thông qua Cổng thông tin điện tử của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa chỉ website <https://bds.moc.gov.vn>.

+ Trường hợp hệ thống chưa hoàn thiện kết nối hoặc phát sinh sự cố kỹ thuật, việc cung cấp dữ liệu được thực hiện tạm thời bằng văn bản điện tử có ký số, kèm tệp dữ liệu phù hợp qua trực liên thông văn bản hoặc phương thức điện tử khác; sau khi hệ thống hoạt động ổn định thì cơ quan đầu mối thực hiện việc cập nhật, đồng bộ dữ liệu theo quy định.

- Quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan. Trong đó, Sở Xây dựng có trách nhiệm:

+ Thực hiện gắn thông tin mã định danh điện tử đối với sản phẩm bất động sản (bao gồm nhà ở, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư, chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản) theo quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11 và được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 357/2025/NĐ-CP.

+ Thực hiện gắn thông tin tài khoản định danh điện tử phục vụ kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh được quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 357/2025/NĐ-CP.

+ Chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu quy định tại Chương III của Nghị định số 357/2025/NĐ-CP cho UBND tỉnh, Bộ Xây dựng được quy định tại Điều 29 và mục 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và mục 12 của Phụ lục II kèm theo Nghị định số 357/2025/NĐ-CP.

+ Công bố các thông tin tổng hợp về nhà ở và thị trường bất động sản trên phạm vi địa bàn trên Cổng thông tin của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản và trang thông tin điện tử do tỉnh quản lý định kỳ quý: Trước ngày 15

tháng đầu tiên của quý sau quý công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 357/2025/NĐ-CP.

+ Thực hiện các quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 357/2025/NĐ-CP, bao gồm: Tổng hợp thông tin, số liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn theo quy định của Nghị định này báo cáo UBND tỉnh; Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ngành có liên quan, các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản trên địa bàn thực hiện các quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của Nghị định số 357/2025/NĐ-CP; Đầu mối tiếp nhận các thông tin liên quan đến nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn do cơ quan, tổ chức cung cấp; Chia sẻ, cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; Công bố các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này trên trang thông tin điện tử do tỉnh quản lý.

2.5. Quyết định số 81/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2026-2031

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 05/8/2026, thay thế Quyết định số 012/2025/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định nguyên tắc làm việc; chế độ trách nhiệm; quan hệ công tác; phạm vi, cách thức, quy trình giải quyết công việc; chương trình công tác, các hoạt động và chế độ thông tin, báo cáo của UBND tỉnh.

- Đối tượng áp dụng: Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Ủy viên UBND tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh (sở, ngành); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có quan hệ công tác với UBND tỉnh chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

- Nguyên tắc làm việc của UBND tỉnh:

+ Mọi hoạt động của UBND tỉnh phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

+ UBND tỉnh hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch UBND tỉnh, phát huy vai trò lãnh đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

+ Tổ chức, hoạt động của UBND tỉnh bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương chuyên nghiệp, hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và quản trị dựa trên

dữ liệu, dữ liệu thời gian thực trong chỉ đạo, điều hành; tổ chức điều hành, xử lý công việc, khai thác dữ liệu số và cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử để nâng cao hiệu quả quản trị, hướng tới mục tiêu xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Dữ liệu được tạo lập trong quá trình hoạt động của UBND tỉnh phải bảo đảm đầy đủ, chính xác, được cập nhật liên tục theo thời gian thực, thống nhất và được quản lý, khai thác, sử dụng chung, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, bí mật nhà nước theo quy định, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Bảo đảm trách nhiệm giải trình gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực; xây dựng nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

+ Trong phân công giải quyết công việc, mỗi việc chỉ được giao cho một sở, ngành, cơ quan, đơn vị, cá nhân chủ trì và chịu trách nhiệm. Sở, ngành, cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao chủ trì phải đúng với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện và giải quyết công việc.

+ Tuân thủ trình tự, thủ tục, thẩm quyền và thời hạn giải quyết công việc, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền, phân cấp; đồng thời đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật, xác định rõ trách nhiệm cá nhân gắn với tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát; có cơ chế theo dõi, đánh giá, kiểm tra và kịp thời điều chỉnh nội dung phân cấp, ủy quyền khi các nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp, ủy quyền thực hiện không hiệu quả.

+ Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; xây dựng chính quyền địa phương gần Nhân dân, sát Nhân dân, phục vụ Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân; phối hợp và tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương thực hiện tốt cơ chế phản biện xã hội.

+ Bảo đảm phát huy năng lực và sở trường của cán bộ, công chức; đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

- Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quy định tại Quy chế này, kỷ luật, kỷ cương hành chính, các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh và không được phát ngôn, làm trái các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo này; trường hợp có ý kiến khác thì vẫn phải chấp hành nhưng được trình bày với cấp quyết nghị, quyết định, chỉ đạo và được bảo lưu ý kiến. Tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của việc không thực hiện đúng các quy định trên, Thủ trưởng các sở,

ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm tự kiểm điểm, phê bình và có báo cáo giải trình gửi Chủ tịch UBND tỉnh; việc công khai kết quả thực hiện theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo kiểm điểm, xử lý các trường hợp không thực hiện đúng quy định tại Quy chế này của các đơn vị, cá nhân liên quan, báo cáo UBND tỉnh và công khai kết quả xử lý trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo và đề xuất kiến nghị xử lý các trường hợp không thực hiện đúng quy định tại Quy chế này, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định và công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

2.6. Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 05/8/2026 quy định về phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 15/8/2026, bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) và cơ quan quản lý nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng:

+ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; UBND cấp xã.

+ Cơ quan quản lý nhà ở: Sở Xây dựng; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường; Phòng Kinh tế các xã.

+ Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở.

- Nội dung phối hợp:

+ Phối hợp cung cấp, tiếp nhận thông tin về nhà ở (bao gồm: thủ tục cấp giấy chứng nhận lần đầu và thủ tục đăng ký biến động) của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở; về nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

+ Trường hợp thông tin do các cơ quan làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cung cấp không thống nhất, chưa đồng bộ, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu, thì cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm phối hợp với cơ quan làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu để lưu trữ hồ sơ nhà ở theo quy định.

- Thông tin phối hợp: Cung cấp thông tin về nhà ở riêng lẻ và nhà ở chung cư để thiết lập hồ sơ nhà ở theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

- Hình thức phối hợp: Thông tin về nhà ở được cung cấp và tiếp nhận thông qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành (IDesk hoặc iOffice).

2.7. Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND ngày 10/8/2026 quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/8/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền được thực hiện chính sách theo Nghị định số 188/2026/NĐ-CP quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: học sinh trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền; Trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm:

+ Chăn, màn và đồ dùng cá nhân cấp cho mỗi học sinh nội trú một lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 188/2026/NĐ-CP.

+ Quần áo đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi học sinh trường phổ thông nội trú mỗi năm học theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 188/2026/NĐ-CP (đối với học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở).

2.8. Quyết định số 84/2026/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 25/8/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối tượng áp dụng: doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật; Sở Tư pháp, Sở Tài chính, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Sau khi hoàn thành thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với tư vấn viên pháp luật phù hợp thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật của tỉnh được phê duyệt, công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật đến Sở Tư pháp.

- Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk (hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã) hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hồ sơ đề nghị:

+ Văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP);

+ Văn bản tư vấn pháp luật, bao gồm 01 bản đầy đủ và 01 bản đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật theo quy định, Sở Tư pháp có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ hoặc văn bản thông báo, nêu rõ lý do từ chối hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật (trong trường hợp xét thấy doanh nghiệp không thuộc đối tượng hỗ trợ hoặc qua kiểm tra, xác minh nội dung đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp không phải là vụ việc hoặc vướng mắc pháp lý thực tế hoặc nội dung văn bản tư vấn pháp luật không phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, trái quy định của pháp luật hoặc không thuộc phạm vi tư vấn theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp).

2.9. Quyết định số 85/2026/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 21/8/2026.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quy định chính sách ưu đãi (miễn, giảm) tiền thuê nhà cho các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

- Đối tượng áp dụng:

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

+ Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được UBND các cấp giao nhiệm vụ.

+ Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất.

- Miễn tiền thuê nhà của cả thời hạn thuê nhà (bao gồm cả trường hợp gia hạn thời hạn cho thuê nhà) đối với Hội quân chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền thuê để làm trụ sở làm việc trong trường hợp chưa có trụ sở làm việc;

- Giảm tiền thuê nhà với số tiền được giảm bằng số tiền thuê đất trong cơ cấu tiền thuê nhà của cả thời hạn thuê nhà (bao gồm cả trường hợp gia hạn thời hạn cho thuê nhà) đối với:

+ Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thuộc danh mục chi tiết các loại hình và đáp ứng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đáp ứng các tiêu chí để được thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Luật Hợp tác xã, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã thuê để làm trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.10. Quyết định số 86/2026/QĐ-UBND ngày 11/8/2026 quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường

xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 11/8/2026.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 25, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), tổ chức chính trị; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk (sau đây được gọi chung là cơ quan, đơn vị); các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; thực hiện hoạt động quy hoạch thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện.

- Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước không giao thực hiện chế độ tự chủ

+ Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí để thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị từ 05 tỷ đồng/nhiệm vụ đến 20 tỷ đồng/nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

+ Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí để thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở

rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị dưới 05 tỷ đồng/nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị mình và từ 02 tỷ đồng/nhiệm vụ đến dưới 05 tỷ đồng/nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị trực thuộc.

+ Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí để thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có giá trị dưới 02 tỷ đồng/nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị mình.

+ Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí để thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng ngân sách cấp xã, có giá trị tối đa không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ.

- Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành và đang thực hiện dở dang thì tiếp tục thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí vốn trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng nguồn kinh phí ở thời điểm phê duyệt dự toán cho đến khi quyết toán nhiệm vụ.

2.11. Quyết định số 87/2026/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 13/8/2026, bãi bỏ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Nội dung chủ yếu:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk áp dụng cho những công việc sau:

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo khu vực, vị trí đất;

+ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất; định giá đất cụ thể theo các phương pháp so sánh, thu nhập và thặng dư;

+ Định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, các tổ chức tư vấn xác định giá đất, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc xây dựng đơn giá và dự toán kinh phí xây dựng, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo khu vực, vị trí đất; xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất và định giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

- Quy định cụ thể Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo khu vực, vị trí đất; Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15; Định mức kinh tế - kỹ thuật định giá đất cụ thể theo các phương pháp so sánh, thu nhập và thặng dư; Định mức kinh tế - kỹ thuật định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

- Quy định chuyển tiếp: Nhiệm vụ xác định giá đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

+ Đối với khối lượng công việc đã và đang thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo nhiệm vụ xác định giá đất đã được phê duyệt;

+ Đối với khối lượng công việc chưa triển khai thì thực hiện điều chỉnh nhiệm vụ xác định giá đất theo quy định của Quyết định này.

2.12. Quyết định số 88/2026/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 28/8/2026, bãi bỏ Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn; nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản tại khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ).

b) *Nội dung chủ yếu:* ban hành Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lộng và vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; các

cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Quyết định này.

- Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng ven bờ, vùng lồng và vùng nội địa được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

- Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn ở vùng ven bờ, vùng lồng và vùng nội địa được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

- + Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung, biện pháp quản lý nhà nước và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

- + Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho tổ chức, cá nhân chấp hành việc thực hiện pháp luật về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- + Hướng dẫn danh mục nghề, ngư cụ cấm, các hành vi bị nghiêm cấm trong khai thác thủy sản trong việc triển khai thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- + Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, địa phương xác định vị trí tọa độ, cấm mốc, biển báo khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh.

- + Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo định kỳ (trước ngày 10/11 hằng năm) hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2.13. Quyết định số 89/2026/QĐ-UBND ngày 17/8/2026 ban hành Quy định quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 28/8/2026, bãi bỏ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định công tác quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành có chức năng quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (gọi tắt là sở quản lý chuyên ngành); UBND cấp xã; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Hoạt động đánh giá sự phù hợp:

+ Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ và lĩnh vực đa ngành; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về hoạt động đánh giá sự phù hợp, tổng hợp tình hình hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp trên địa bàn tỉnh, phối hợp xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

+ Các sở quản lý chuyên ngành chủ trì thực hiện quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp thuộc phạm vi quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật của các tổ chức hoạt động đánh giá sự phù hợp.

+ Các tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về tính chính xác, khách quan của kết quả do tổ chức mình thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hoạt động của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường:

+ Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh; tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý hoạt động của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường.

+ Các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đo lường và chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương.

+ Việc quản lý hoạt động đối với các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; Nghị định số 105/2016/NĐ-CP quy định về điều

kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 36/2026/NĐ-CP.

- Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, nhãn hàng hóa, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Đo lường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.14. Quyết định số 90/2026/QĐ-UBND ngày 19/8/2026 ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 31/8/2026, bãi bỏ Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan chuyên môn, các tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh làm cơ quan đại diện chủ sở hữu; UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan công tác bảo vệ bí mật nhà nước (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức, cá nhân).

- Bảo đảm điều kiện phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước:

+ Các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm rà soát, xác định nhu cầu kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo yêu cầu nhiệm vụ. Nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước được giao hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản khác có liên quan.

+ Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo theo thẩm quyền.

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước đúng mục đích, đúng quy định; thường xuyên kiểm tra, kịp thời khắc phục các nguy cơ mất an ninh, an toàn trong quá trình quản lý, sử dụng.

+ Việc quản lý, sửa chữa, tiêu hủy thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước của các cơ quan, tổ chức.

- Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước:

+ Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh phân công người thực hiện nhiệm vụ chuyên trách bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 63/2026/NĐ-CP.

+ Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này có trách nhiệm phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước theo chế độ kiêm nhiệm tại bộ phận tham mưu, tổng hợp hoặc bộ phận thực hiện công tác hành chính của cơ quan, tổ chức.

2.15. Quyết định số 91/2026/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 quy định các địa điểm, vị trí phải phát triển nhà ở theo dự án trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 31/8/2026, bãi bỏ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây).

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định chi tiết khoản 4 Điều 5 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 về các địa điểm, vị trí tại khu vực ngoài đô thị phải phát triển nhà ở theo dự án trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn tỉnh; các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý đầu tư xây dựng dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; nhà đầu tư, chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đầu tư, phát triển dự án nhà ở theo dự án đầu tư xây dựng đối với các loại hình nhà ở theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nguyên tắc áp dụng:

+ Các địa điểm, vị trí tại khu vực ngoài đô thị phải phát triển nhà ở theo các loại hình dự án đầu tư xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Nhà ở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phải phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn, tuân thủ quy định pháp luật về nhà ở, đất đai, xây dựng và pháp luật khác liên quan.

+ Việc phát triển nhà ở theo dự án phải đảm bảo đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài dự án.

+ Làm cơ sở đề xuất vị trí, địa điểm phát triển nhà ở theo dự án vào Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

- Các khu vực ngoài đô thị được định hướng là khu vực phát triển đô thị và được xác định trong đồ án quy hoạch là khu đô thị mới, khu dân cư mới hoặc khu vực định hướng phát triển mô hình đô thị thông minh.

- Các khu vực thuộc trung tâm xã hoặc khu vực được quy hoạch là trung tâm hành chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa của xã và được xác định trong đồ án quy hoạch là khu dân cư mới.

- Các khu vực tiếp giáp với các tuyến đường giao thông động lực: Cao tốc; Quốc lộ; Đường tỉnh; Đường vành đai, đường trục chính đô thị, đường trục chính khu vực theo quy hoạch được phê duyệt.

- Các khu vực có quy hoạch xây dựng khu nhà ở và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin/khu công nghệ số tập trung, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm dữ liệu.

2.16. Quyết định số 92/2026/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 02/9/2026.

b) Nội dung chủ yếu: quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giải quyết các vấn đề về khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; UBND các xã, phường; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc đề xuất, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác có liên quan.

- UBND tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Thông báo đề xuất đặt hàng và tiếp nhận, tổng hợp, rà soát, lựa chọn đề xuất đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các nhóm lĩnh vực hoặc chương trình đề trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

+ Đăng thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 3 Quy định này.

+ Thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng; Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

+ Phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

+ Hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

+ Ký hợp đồng, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

+ Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh nội dung, hợp đồng giao nhiệm vụ, chấm dứt hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

+ Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

+ Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 và 4 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

+ Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

- Xử lý tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

- Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

- Thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được giao quyền quản lý, sử dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị: Thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2.17. Quyết định số 93/2026/QĐ-UBND ngày 22/8/2026 ban hành Quy chế bảo đảm an ninh mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 03/9/2026, bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; bãi bỏ các Điều 2, Điều 3, Điều 4 Quyết định số

11/2025/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND và Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về công tác bảo đảm an ninh mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành; các tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND xã, phường; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, tổ chức khác được giao quản lý, vận hành hoặc sử dụng hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (gọi chung là cơ quan, đơn vị); cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, an toàn thông tin, an ninh mạng, điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu, nền tảng số, dịch vụ số hoặc tham gia thiết kế, xây dựng, quản trị, vận hành, bảo trì, kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (gọi chung là bên cung cấp dịch vụ); các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bảo đảm an ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng quy định bảo đảm an ninh mạng:

+ Các cơ quan, đơn vị phải xây dựng quy định bảo đảm an ninh mạng phù hợp với hệ thống thông tin, cơ cấu tổ chức, yêu cầu quản lý và hoạt động của cơ quan, đơn vị mình. Quy định bảo đảm an ninh mạng được lãnh đạo có thẩm quyền ký ban hành và triển khai thực hiện trong toàn cơ quan, đơn vị.

+ Quy định bảo đảm an ninh mạng cần đáp ứng các yêu cầu an ninh mạng tương ứng với từng cấp độ của hệ thống thông tin và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an ninh mạng.

+ Quy định bảo đảm an ninh mạng thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm sự đầy đủ, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành về bảo đảm an ninh mạng.

- Quy định cụ thể việc quản lý tài sản công nghệ thông tin; xây dựng, quản lý, vận hành, hủy bỏ hệ thống thông tin; kiểm tra, giám sát, cảnh báo và ứng cứu sự cố; bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác bảo đảm an ninh mạng; chế độ, nội dung báo cáo.

2.18. Quyết định số 94/2026/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 11/9/2026, bãi bỏ Quyết định số 52/2023/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* quy định nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm và phương thức phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; UBND cấp xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phối hợp quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Quy định cụ thể về nội dung, trách nhiệm và phương thức phối hợp:

- + Phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin.
- + Phối hợp quản lý, bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch.
- + Phối hợp quản lý, khai thác khu du lịch, điểm du lịch.
- + Phối hợp quản lý hoạt động kinh doanh du lịch.
- + Phối hợp quản lý các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch.
- + Phối hợp quản lý và hỗ trợ khách du lịch.
- + Phối hợp quản lý môi trường và an toàn thực phẩm trong hoạt động du lịch.
- + Phối hợp quản lý thuế, giá cả, chất lượng hàng hóa, dịch vụ du lịch.
- + Phối hợp thông tin, thống kê du lịch.
- + Phối hợp giải quyết kiến nghị, phản ánh của khách du lịch.
- + Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động du lịch.

2.19. Quyết định số 95/2026/QĐ-UBND ngày 27/8/2026 quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 11/9/2026, bãi bỏ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực

hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giao cho cộng đồng tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cộng đồng dân cư và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các dự án, công trình đầu tư xây dựng trong phạm vi quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ bằng tiền hoặc bằng hiện vật, với định mức hỗ trợ không vượt quá tổng mức đầu tư một dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù theo quy định của UBND tỉnh và có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

- Việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

- Quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hằng năm, Chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và tại Điều 22 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

2.20. Quyết định số 96/2026/QĐ-UBND ngày 30/8/2026 ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 12/9/2026, bãi bỏ Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quy chế hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Nội dung chủ yếu: quy định về công tác quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quản lý, tổ chức triển khai hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh Đắk Lắk.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan, đơn vị, địa phương; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- UBND tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh Đắk Lắk.

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Văn phòng UBND tỉnh chủ trì làm đầu mối, phối hợp với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai các hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá tỉnh Đắk Lắk ở nước ngoài, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện các hoạt động đối ngoại của tỉnh.

+ Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại trong phạm vi, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

- Thông tin đối ngoại bao gồm thông tin chính thức về Việt Nam và tỉnh Đắk Lắk, thông tin quảng bá hình ảnh tỉnh Đắk Lắk; thông tin tình hình thế giới vào tỉnh Đắk Lắk.

- Kinh phí cho hoạt động thông tin đối ngoại:

+ Kinh phí cho các hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn huy động hợp pháp khác.

+ Hằng năm, căn cứ kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách của cơ quan, đơn vị mình, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Quy chế quy định cụ thể về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2.21. Quyết định số 97/2026/QĐ-UBND ngày 30/8/2026 quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển giai đoạn 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành*: từ ngày 12/9/2026; bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh Phú Yên quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển 05 năm (2021-2026) trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu*: quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển giai đoạn 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 34 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá

nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

- Đối tượng áp dụng: các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Mức thu tiền sử dụng khu vực biển được phân thành 06 nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển giai đoạn 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

+ Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm: 20.000 đồng/m³.

+ Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyên tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.500.000 đồng/ha/năm.

+ Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển: 7.500.000 đồng/ha/năm.

+ Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, cáp điện: 6.250.000 đồng/ha/năm.

+ Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá: 5.750.000 đồng/ha/năm.

+ Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu: 7.500.000 đồng/ha/năm.

- Trường hợp trong cùng một khu vực biển có nhiều hoạt động sử dụng khu vực biển theo các mục đích khác nhau nhưng không xác định được diện tích riêng cho mỗi mục đích sử dụng thì áp dụng mức thu cao nhất trong số các mục đích sử dụng để tính tiền sử dụng khu vực biển trong khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân.

- Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại khoản 1 Điều này thì mức thu tiền sử dụng khu vực biển: 5.250.000 đồng/ha/năm.

Trên đây là Thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Cục PBGDPL&TGPL;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, NV3.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thị Thanh Thủy